TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/DS-PT
Ngày: 03/3/2025
V/*v: tranh chấp quyền thừa kế, hợp đồng tặng cho QSDĐ.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình.
Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca
Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Đỗ Thị Bích Liễu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Hào – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09/01 và ngày 03/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 367/2024/TLPT - DS ngày 12 tháng 11 năm 2024, về "*Tranh chấp quyền thừa kế, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2024/DS-ST, ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 382/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2024, giữa:

1.Nguyên đơn: ông Phùng Văn S, sinh năm 1958, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Văn H **(**văn phòng Luật sư Phạm Văn H) thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn**:**

2.1. Bà Tạ Thị B, sinh năm 1960 (vắng mặt);

2.2.Bà Phùng Thị Thanh L, sinh năm 1992 (Có mặt);

2.3.Ông Phùng Thế T, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Tạ Thị B và ông Phùng Thế T là bà Phùng Thị Thanh L, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2024) (có mặt).

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bùi Văn M, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

3.2.Bùi Văn Th, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

3.3.Bùi Văn Đ, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện Mõ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

3.4.Bùi Văn Ph, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện Mõ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1948. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị S là ông Phùng Văn S1, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2024) (có mặt).

3.6. Phùng Thị Th1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

3.7. Phùng Thị D, sinh năm 1974 (vắng mặt)

3.8. Phùng Thị K, sinh năm 1982 (vắng mặt)

3.9. Phùng Thị L1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

3.10. Phùng Thị Th2, sinh năm 1986 (vắng mặt)

3.11. Phùng Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)

3.12. Phùng Thị Bích T1, sinh năm 1975 (có mặt)

3.13. Phạm Văn L2, sinh năm 1975 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3.14. Nguyễn Tấn Th2, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Tấn Th2 là Luật sư Lê Hữu Ph1 (công ty luật TNHH MTV Phước Kh) thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người kháng cáo: bà Tạ Thị B, bà Phùng Thị Thanh L và ông Phùng Thế T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Phùng Văn S1 trình bày:

-Mẹ của ông là cụ Châu Thị Ng (chết năm 2015) có 03 người chồng:

Chồng thứ nhất là cụ Phùng Văn L3 (cụ L3 chết năm 1951) có 04 người con chung gồm:

-Phùng Văn D1 (chết năm 1966, không vợ con);

-Phùng Văn T2 (chết năm 1962, không vợ con);

-Phùng Thị Th3 (chết năm 1979), bà Th3 không có chồng, có 04 người con *gồm:* Bùi Văn M, Bùi Văn Th, Bùi Văn Đ, Bùi Văn Ph.

-Phùng Văn N (chết năm 2013) có vợ là bà Nguyễn Thị S và 06 người con, gồm: Phùng Thị Th1, Phùng Thị D, Phùng Thị K, Phùng Thị L1, Phùng Thị Th2, Phùng Văn H1.

Chồng thứ hai là cụ Hồ Văn B1 (chết 1972), có 01 người con chung là ông Phùng Văn S1 (nguyên đơn).

Chồng thứ ba là cụ Võ Ngọc L4 (chết năm 1996) có 01 người con chung là Phùng Văn B2 (chết năm 2020), ông B2 có vợ là bà Tạ Thị B và 02 người con: Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T

-Tài sản của cụ Châu Thị Ng để lại gồm có:

+Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.290m^2, loại đất cây lâu năm;

+Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.560m^2, loại đất ở nông thôn, cây lâu năm;

+Thửa đất số 38, tờ bản đồ số 5, diện tích 580m^2, loại đất nghĩa địa;

+Thửa đất số 436, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.570m^2, loại đất cây lâu năm;

+Thửa đất số 443, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.580m^2, loại đất lúa.

Cùng tọa lạc ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;

+Thửa đất số 271, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.584,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Các thửa đất trên do cụ Châu Thị Ng đứng tên cá nhân, kê khai đăng ký qua các thời kỳ quản lý đất đai của nhà nước.

Năm 2000 cụ Ng tự nguyện cho con gái ông S1 là Phùng Thị Bích T1 diện tích đất khoảng 500m^2 (*nữa công*) thuộc thửa 271, chị T1 cất nhà ở ổn định, lâu dài không có ai phản đối hay tranh chấp, gia đình chị T1 thuộc diện hộ nghèo của xã. Năm 2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vũng Liêm xét duyệt cho hộ chị T1 được cất nhà ở theo Chương trình 167 của xã B (*Chủ tịch huyện ký ngày 01/4/2011*), nhận thấy diện tích tiêu chuẩn theo Chương trình 167 quá nhỏ, không đảm bảo cả gia đình chị T1 sinh sống, do gia đình chị T1 đông người, cho nên chị T1 vay mượn cất nhà lớn hơn, nhà có chiều ngang 8 mét, dài 14 mét cất nhà ở vị trí giữa thửa đất diện tích 500m^2 mà cụ Ng cho chị T1. Quá trình làm nhà có sự giám sát của chính quyền địa phương và cụ Ng cũng như các anh em đều đồng ý không ai có ý kiến gì. Ông B2 là người cung cấp vật tư xây dựng căn nhà cho chị T1.

Năm 2015 cụ Ng chết không để lại di chúc, các thửa đất trên do Phùng Văn B2 quản lý sử dụng (*trừ 500m^2 cụ Ngọc cho chị Tuyền*) chưa chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

Năm 2018 có phát sinh tranh chấp, nhưng Phùng Văn B2 tự đăng ký kê khai không được các đồng thừa kế đồng ý. Năm 2020 Phùng Văn B2 chết, vợ và các con của Phùng Văn B2 là Tạ Thị B; Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T quản lý sử dụng toàn bộ các thửa đất trên.

Ông Phùng Văn S1 yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T phải chia thừa kế tài sản do cụ Ng để lại theo quy định của pháp luật đối với các thửa đất: Thửa số 18, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.290m^2, loại đất cây lâu năm; Thửa số 36, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.560m^2, loại đất ở nông thôn, cây lâu năm; Thửa số 38, tờ bản đồ số 5, diện tích 580m^2, loại đất nghĩa địa;

Thửa số 436, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.570m^2, loại đất cây lâu năm; Thửa số 443, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.580m^2, loại đất lúa. Cùng tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;

Thửa đất số 271, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.584,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Chia cho ông S1 diện tích 1.084,3m^2 thuộc thửa 271 nói trên, riêng diện tích 500m^2 trong thửa 271 này ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng cho chị T1 quản lý sử dụng theo nguyện vọng của cụ Ng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông S1 thay đổi yêu cầu, xin được nhận phần đất diện tích 482m^2, thửa 361 (chiết từ thửa 271) và công nhận phần đất 110m^2 thuộc thửa 361 (chiết từ thửa 271) cho chị Phùng Thị Bích T1. Các thửa đất khác ông S1 không yêu cầu chia thừa kế.

Tại bản tự khai đề ngày 27 tháng 5 năm 2021 bị đơn bà Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T trình bày:

Các thửa đất nguyên đơn trình bày ở trên đã được thay đổi chủ sử dụng, cụ thể như sau: thửa 248, diện tích 2585,0m^2 do Phùng Thị Thanh L đứng tên (đã sang cho Nguyễn Tấn Th2 đứng tên); thửa 282, diện tích 2370,6m^2 do Phùng Văn B2 và Tạ Thị B đứng tên; thửa 271, diện tích 1584,3m^2 do ông Phùng Văn B2 đứng tên đã tách thành 03 thửa mới: thửa 359, diện tích 539,7m^2 do Tạ Thị B đứng tên; thửa 361, diện tích 592,0m^2 do Phùng Văn B2 đứng tên, phần đất còn lại thửa 360 ông B2 đã chuyển nhượng cho Nguyễn Văn Ph1, anh Ph1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không còn liên quan gì đến di sản thừa kế, ngoài ra còn thửa 293, diện tích 1113m^2, cũng đã chuyển nhượng cho Phùng Văn Tr, anh Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không còn liên quan gì đến di sản thừa kế đang tranh chấp.

Theo bà B, bà L và ông T xác định: lúc cụ Châu Thị Ng còn sống đã chia đất cho các con, mỗi người đã có phần riêng, Phần của ông B2 sau khi ông B2 chết thì bà B, bà L và ông T hưởng thừa kế đối với tài sản của ông B2 chết để lại theo quy định của pháp luật. Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với phần đất có căn nhà của Phùng Thị Bích T1 là lúc ông B2 còn sống cho bà T1 ở nhờ và do bà T1 xin ông B2 cho phần đất để cất nhà theo diện Nhà nước hỗ trợ Chương trình 167 cất nhà ở cho hộ nghèo, căn nhà xây dựng ban đầu chiều ngang 04m chiều dài 08m, kết cấu là nhà cây, căn nhà cất khi cụ Ng còn sống, cụ Ng không có ý kiến phản đối vì bà T1 có hứa khi nào có đất khác thì trả lại đất hoặc mua lại phần đất này của ông B2. Nay buộc bà T1 di dời nhà trả đất cho các bị đơn.

Tại đơn yêu cầu độc lập đề ngày 29 tháng 3 năm 2021, ngày 08 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phùng Thị Bích T1 trình bày:

bà là con ruột của ông Phùng Văn S1, năm 2000 cụ Ng có cho bà khoảng 500m^2 (*nữa công*) đất, thuộc thửa số 271 tại ấp B, xã B để cất nhà ở, việc tặng cho chỉ bằng lời nói, không có lập thành văn bản, bà và ông Phạm Văn L2 nhận đất cất nhà ở, do giông bão nhà bị sập, hoàn cảnh gia đình nghèo, đông con nên được nhà nước xét, hỗ trợ cất cho vợ chồng một căn nhà ở cho hộ nghèo theo Chương trình 167 của Chính phủ, gia đình vay mượn thêm tiền xây nhà đủ chổ ở cho các thành viên nên diện tích xây dựng khoảng 110m^2 (*ngang 7,9, dài 14m*). Trong quá trình xét cấp, cũng như thi công nhà diễn ra công khai, nhân dân trong xã ai cũng biết, trong đó ông Phùng Văn B2 chính là người đổ vật tư xây dựng để Nhà nước thi công nhà của bà từ lúc khởi công đến khi hoàn thành và nghiệm thu bàn giao cho gia đình bà.

Năm 2018 phát sinh tranh chấp, ông B2 yêu cầu bà tháo dỡ phần phụ của căn nhà để trả lại phần đất dư ra cho ông B2, bà có di dời nhà chính về phía trước lộ, nằm trên một phần đất công cộng, do nhà cây nên bà có nhờ đông người di dời, nhưng đất không thay đổi hiện trạng, gia đình bà vẫn quản lý liên tục cho đến nay và có xây tường bao xung quanh nhà. Hiện nay gia đình bà không có chổ ở nào khác nên yêu cầu Tòa án công nhận cho bà diện tích 500m^2 tại chiết thửa 271 theo ý chí cụ Ng đã cho trước khi cụ Ng chết.

Ông Phạm Văn L2 là chồng của bà T1 thống nhất ý kiến yêu cầu của bà T1, không bổ sung ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà là vợ ông Phùng Văn N là con dâu của cụ Ng, bà và ông N có 06 người con gồm: Phùng Thị Th1, Phùng Thị D, Phùng Thị L1, Phùng Thị K, Phùng Thị Th2 và Phùng Văn H. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T chia di sản thừa kế gồm các thửa đất số 18, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.290m^2 loại đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 36, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.560m^2 loại đất ở nông thôn; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 5, diện tích 580m^2 loại đất nghĩa địa; thửa đất số 346, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.570m^2 nay là thửa 271, tờ bản đồ số 8, diện tích 1584,3m^2, loại đất trồng cây lâu năm. Trong đó cho bà được hưởng một phần diện tích 1.500m^2 nằm trong diện tích 2.580m^2 tại thửa 443, tờ bản đồ số 3 và diện tích 200m^2 nằm trong diện tích 1.584,3m^2 thuộc thửa 271, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S xin được hưởng giá trị bằng tiền tương ứng với diện tích được chia. Về giá trị đất tranh chấp bà thống nhất lấy giá 138.000đ/m^2 làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề ngày 25 tháng 4 năm 2022 Bùi Văn M trình bày:

Ông là con cùa bà Phùng Thị Th3 là cháu ngoại của cụ Ng, cha mẹ ông có 04 người con: Bùi Văn M, Bùi Văn Th, Bùi Văn Đ và Bùi Văn Ph, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T chia di sản thừa kế do cụ Ng chết để lại như sau: Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.290m^2 loại đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 36, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.560m^2 loại đất ở nông thôn; thửa đất số 38, tờ bản đồ số 5, diện tích 580m^2 loại đất nghĩa địa; thửa đất số 346, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.570m^2 nay là thửa 271, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.584,3m^2 loại trồng cây lâu năm. Ông đại diện những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phùng Thị Th3 yêu cầu được hưởng một kỷ phần thừa kế cụ thể: diện tích 1.000m^2 nằm trong diện tích 1.560m^2 tại thửa 36, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và diện tích 500m^2 nằm trong diện tích 2.580m^2 thuộc thửa 443, tờ bản đồ số 3,

và 200m^2 nằm trong diện tích 1.584,3m^2 đất cây lâu năm thuộc thửa 271, tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn S1:

1.1. Tuyên bố di chúc ghi ngày 20/01/2001 của cụ Châu Thị Ng là không hợp pháp.

1.2. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Châu Thị Ng gồm các thửa đất:

+ Thửa 248, diện tích 2585,0m^2 hiện do anh Nguyễn Tấn Th2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Thửa 282, diện tích 2370,6m^2 do Phùng Văn B2 và Tạ Thị B đứng tên;

+ Thửa 359, diện tích 539,7m^2 do Tạ Thị B đứng tên; thửa 361, diện tích 592,0m^2 do Phùng Văn B2 đứng tên; tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cho hàng thừa kế thứ nhất là ông Phùng Văn S1, Nguyễn Thị S (đại diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Phùng Văn N), ông Phùng Văn B2 (chết 2020) hàng thừa kế thứ nhất gồm Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T.

1.3. Ông Phùng Văn S1 được quyền sử dụng diện tích 482m^2, thửa 361, tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Do thửa đất 361, diện tích 482m^2 do bà Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L bà Phùng Thế T quản lý nên buộc những người này giao cho ông Phùng Văn S1.

1.4. Buộc bà Tạ Thị B, chị Phùng Thị Thanh L, anh Phùng Thế T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S (đại diện hàng thừa kế thứ nhất của ông Phùng Văn N) giá trị bằng tiền của diện tích 1500m^2 nằm trong diện tích 2580m^2 tại thửa 443 (cũ), tờ bản đồ số 3 và diện tích 200m^2 nằm trong diện tích 1584,3m^2 thuộc thửa 271 (cũ), tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long số tiền bằng 234.600.000đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)

1.5. Công nhận hợp đồng tặng cho giữa cụ Châu Thị Ng và Phùng Thị Bích T1, Phạm Văn L2 đối với diện tích 110m^2, thửa đất số 361, tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Chị T1, anh L2 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai theo quy định của pháp luật về đất đai.

1.6. Công nhận quyền sử dụng đất như sau:

+ Anh Nguyễn Tấn Th2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Thửa 248, diện tích 2.585,0m^2 tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

+ Thửa 282, diện tích 2.370,6m^2 do Phùng Văn B2 và Tạ Thị B đứng tên; tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

+ Thửa 359, diện tích 539,7m^2 do Tạ Thị B đứng tên; tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

1.7. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế của anh Bùi Văn M đại diện những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phùng Thị Th3. Tạm giao kỷ phần thừa kế của Bùi Văn M đại diện những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Phùng Thị Th3 yêu cầu được hưởng một kỷ phần thừa kế cụ thể: diện tích 1.000m^2 nằm trong diện tích 1.560m^2 tại thửa 36, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và diện tích 500m^2 nằm trong diện tích 2.580m^2 thuộc thửa 443, tờ bản đồ số 3, và 200m^2 nằm trong diện tích 1.584,3m^2 đất cây lâu năm thuộc thửa 271, tọa lạc tại: ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.cho bà Tạ Thị B, chị Phùng Thị Thanh L và anh Phùng Thế T tạm quản lý.

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 16/7/2024 các bị đơn Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T kháng cáo yêu cầu: hủy bản án sơ thẩm số 84/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của ông Phùng Văn S1, bà Nguyễn Thị S và chị Phùng Thị Bích T1.

Ngày 19/7/2024 ,Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm ban hành quyết định kháng nghị số 359/QĐ-VKS-DS, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm để giao cấp sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự thống nhất sử dụng trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 03/6/2019 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm và trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/01/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng liêm, tỉnh Vĩnh Long làm căn cứ giải quyết vụ án.

Bị đơn Phùng Thị Thanh L trình bày: các bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo, không yêu cầu hủy án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn ông Phùng Văn S1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Bích T1 và ông Phạm Văn L2 không đồng ý kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Th2 thống nhất ý kiến của bà Phùng Thị Thanh L.

Kiểm sát viên trình bày kháng nghị: Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị, không đề nghị hủy án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng công nhận di chúc hợp pháp, công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Châu Thị Ng và Phùng Thị Bích T1, công nhận cho chị T1 được sử dụng sụng phần đất có diện tích 139,6m^2 thuộc thửa 361, loại đất trồng cây lâu năm.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn ông Phùng Văn S1:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố di chúc do cụ Ng lập là không hợp pháp, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Th2:

Công nhận di chúc do cụ Châu Thị Ng lập ngày 20/01/2001 là hợp pháp, tài sản riêng của cụ Ng nên cụ có quyền để lại toàn bộ tài sản cho ông Phùng Văn B2. Không công nhận hợp đồng tặng cho giữa cụ Ng và bà Phùng Thị Bích T1. Di chúc hợp pháp nên không chia thừa kế cho các con ông Phùng Văn N, cấp sơ thẩm chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị S vợ ông N là không đúng quy định. Ông Nguyễn Tấn Th2 đồng ý bồi hoàn giá trị căn nhà cho bà T1 và cho bà T1 một chổ khác để cất nhà ở.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng VKSND huyện Vũng Liêm.

Sửa án sơ thẩm theo hướng:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn S1. Công nhận di chúc lập ngày 20/01/2001 của cụ Ng là hợp pháp.

Công nhận hợp đồng tặng cho giữa cụ Châu Thị Ng và Phùng Thị Bích T1, Phạm Văn L2 đối với diện tích 139,6m^2, thửa số 361, tọa lạc ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Bà T1, ông L2 có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai theo quy định của pháp luật về đất đai.

Chi định giá tại cấp phúc thẩm: Chi L đồng ý chịu

Về án phí phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: ngày 04/7/2024 Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên án, ngày 16/7/2024 các bị đơn kháng cáo, ngày 19/7/2024 Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm kháng nghị là còn trong thời hạn, các bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Về người thừa kế: các đương sự thống nhất người thừa kế của cụ Châu Thị Ng (chết năm 2015), gồm có:

- Phùng Văn D1 (*chết năm 1966, không vợ con*);

- Phùng Văn T2 (*chết năm 1962, không vợ con*);

- Phùng Thị Th3 (*chết năm 1979), bà Tha không có chồng, có 04 người con gồm:* Bùi Văn M, Bùi Văn Th, Bùi Văn Đ, Bùi Văn Ph.

- Phùng Văn N (*chết năm 2013) có vợ là bà Nguyễn Thị S và 06 người con, gồm:* Phùng Thị Th1, Phùng Thị D, Phùng Thị K, Phùng Thị L1, Phùng Thị Th2 và Phùng Văn H1.

-Phùng Văn S (nguyên đơn).

-Phùng Văn B2 (chết năm 2020), ông B2 có vợ là bà Tạ Thị B và 02 người con: Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T

Các đương sự cam kết cụ Ng không có người thừa kế nào khác ngoài những người nêu trên.

[2] Về di sản thừa kế của cụ Châu Thị Ng: các đương sự thống nhất cụ Ng chết để lại các phần đất gồm:

-Thửa đất số 248, tờ bản đồ số 8, diện tích 2585,0m^2 do anh Nguyễn Tấn Th2 (chồng chị Phùng Thị Thanh L) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

-Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 8, diện tích 2370,6m^2 do Phùng Văn B2 và Tạ Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

-Thửa đất số 271, diện tích 1584,3m^2 (ông Phùng Văn B2 đứng tên) đã tách

thành 03 thửa mới gồm:

-Thửa 359, tờ bản đồ số 8, diện tích 539,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm do Tạ Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 361, tờ bản đồ số 8, diện tích 592,0m^2, loại đất trồng cây lâu năm do ông Phùng Văn B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- (Thửa 360 diện tích 452,6m^2 ông B2 đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn Ph1 các đương sự không tranh chấp thửa đất này).

[3] Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án, các bị đơn ngăn cản không cho đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với tài sản tranh chấp. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm phía bị đơn yêu cầu Tòa án thu thập trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 03/6/2019 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm đối với thửa đất 361, diện tích 592m^2 đang lưu giữ tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm. Tòa án cấp phúc thẩm thu thập được tài liệu này và các đương sự thống nhất sử dụng tài liệu này làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của các bị đơn:

Nguyên đơn cho rằng năm 2015 cụ Ng chết không để lại di chúc, các bị đơn bà B, bà L và ông T cho rằng ngày 20/01/2001 cụ Ng có lập di chúc được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực ngày 27/02/2001.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phùng Văn S1 và bị đơn chị Phùng Thị Thanh L thống nhất xác định, các thửa đất đang tranh chấp nêu trên là tài sản riêng của cụ Châu Thị Ng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp phúc thẩm thu thập về việc kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Ng. Tình tiết sự kiện này không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét di chúc do cụ Châu Thị Ng lập ngày 20/01/2001, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vũng Liêm chứng thực ngày 27/02/2001. Nội dung di chúc thể hiện cụ Ng để lại toàn bộ diện tích đất 8270m^2, trong đó có 3430m^2 đất vườn cùng một căn nhà tường ở ấp B, xã B và 4840m^2 đất ruộng ở ấp B cho ông Phùng Văn B2 trọn quyền thừa hưởng (ông B2 là người nuôi dưỡng cụ Ng).

Thời điểm cụ Ng Lập di chúc đang thực hiện Bộ luật dân sự năm 1995 nên áp dụng Bộ luật dân sự 1995 để giải quyết.

Theo công văn số 441/UBND ngày 15/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long cung cấp thông tin về công chứng, chứng thực di chúc của cụ Châu Thị Ng như sau:

"Vào ngày 27/02/2001 ông Nguyễn Văn Nh (Bí thư Đảng Ủy- Chủ tịch UBND xã B nhiệm kỳ 2000- 2005) có tiếp nhận di chúc của bà Châu Thị Ng yêu cầu Ủy ban nhân dân xã chứng thực di chúc cho bà, nội dung di chúc để lại 8270m² đất cho ông Phùng Văn B2. Trong di chúc có chữ ký làm chứng của ông Châu Văn R, Đào Công Ơ, Phạm Văn Kh1 là những người chứng kiến bà Ng tự nguyện điểm chỉ vào di chúc.

Tại thời điểm tiếp nhận di chúc yêu cầu chứng thực bà Châu Thị Ng vẫn còn minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện lập di chúc và đã điểm chỉ vào di chúc.

Ông Nh có đọc lại nội dung di chúc cho bà Ng nghe và hỏi bà có hiểu rõ nội dung di chúc không, bà Ng trả lời bà hiểu rõ và nói từ đó giờ ông B2 chăm sóc phụng dưỡng bà nên bà cho hết đất để sau này lo thờ cúng ông bà tổ tiên.

Sau khi trao đổi với bà Ng xong ông Nh đã thực hiện ký tên chứng thực vào di chúc và chuyển qua bộ phận văn phòng đóng dấu và hoàn trả lại di chúc cho bà Ng".

Ngày 25/11/2024 bà Phùng Thị Thanh L nộp giấy xác nhận của ông Châu Văn R và ông Phạm Văn Kh1, theo đó ông R và ông Kh1 đều trình bày hai ông có làm chứng trong di chúc của cụ Châu Thị Ng lập, lúc làm chứng có ký tên trong di chúc cụ Ng lập là trước mặt cụ Ng, lúc đó cụ Ng còn minh mẫn, biết rõ nội dung di chúc.

Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 19/7/2018 tại UBND xã B về tranh chấp thừa kế đất đai giữa nguyên đơn ông Phùng Văn S1 với bị đơn ông Phùng Văn B2, thì giữa các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc bà Phùng Thị Bích T1 là con của ông Phùng Văn S1 ở trên phần đất đã cất nhà sử dụng vĩnh viễn đến đời con cháu không được sang nhượng và ông S1 thống nhất cho

ông B2 lập thủ tục thừa kế đất theo di chúc không ngăn cản. Như vậy ông S1 đã biết cụ Ng đã lập di chúc tặng cho ông B2 các thửa đất trên, nhưng không có tranh chấp và để cho ông B2 làm thủ tục thừa kế theo quy định của pháp luật.

[5] Đối chiếu với các quy định của pháp luật, các tài liệu chứng cứ thu thập được và các đương sự trong vụ án thừa nhận tài sản là của cá nhân cụ Ng nên việc cụ Ng lập di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông B2 là phù hợp. Di chúc phù hợp với Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995 và được xác định là hợp pháp. Do đó sau khi cụ Ng chết ông B2 lập thủ tục thừa kế theo di chúc là đúng quy định của pháp luật. Năm 2020 ông B2 chết, bà Tạ Thị B là vợ và các con của ông B2 lập thủ tục thừa kế tài sản của ông B2 là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm vô hiệu di chúc do cụ Ng lập ngày 20/01/2001 và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Châu Thị Ng cho ông Phùng Văn S1 diện tích đất 482m^2 thửa 361, bà Nguyễn Thị S số tiền 234.600.000đ và tạm giao kỹ phần có diện tích 1.500m^2 của Bùi Văn M cho các bị đơn quản lý là có sai lầm trong việc đánh giá chứng cứ.

[6] Tuy nhiên trong các thửa đất do cụ Ng để lại cho ông B2, có thửa đất số 361, tờ bản đồ số 8, diện tích 592,0m^2, loại đất trồng cây lâu năm, ông Phùng Văn B2 được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy ngày 28/12/2018. Phần đất này vào năm 2001 cụ Châu Thị Ng có cho cháu nội là Phùng Thị Bích T1 (con ông Phùng Văn S1) cất nhà ở và bà T1 được nhà nước hỗ trợ cất nhà theo chương trình 167 của Chính Phủ, cất nhà ở cho hộ nghèo. Mặc dù cụ Ng không có làm hợp đồng tặng cho đất bà T, nhưng cụ Ng đồng ý cho bà T1 được cất nhà khi cụ còn sống, gia đình bà T1 sinh sống ổn định, lâu dài trên đất từ năm 2001 đến nay, không ai tranh chấp, ngoài chổ ở này ra hiện nay gia đình bà T1 không còn chổ ở nào khác, nhằm để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cả gia đình bà T1 nên công nhận cho bà T1 phần đất có căn nhà là phù hợp.

[7] Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 03/6/2019 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm và ngày 17/01/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm thì phần đất có căn nhà của gia đình bà

T1 đang ở có diện tích 139,6m^2, loại đất trồng cây lâu năm (tách 361-1 là 32,6m^2 và tách 361-2 là 107m^2). Diện tích này đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 17/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định về đất tặng cho cá nhân để xây dựng nhà hộ nghèo thì được tách thửa đất. Vì vậy công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Ng và bà T1, công nhận cho bà T1 được quyền sử dụng diện tích đất 139,6m^2, thửa 361, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội. Phần đất còn lại của thửa 361, diện tích 452,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm công nhận cho các bị đơn là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[8]*Xét kháng nghị của Viện trưởng viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long thay đổi kháng nghị từ hủy án sang sửa án sơ thẩm do Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập được tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Đề nghị tuyên bố di chúc do cụ Châu Thị Ng lập ngày 20/01/2001 là hợp pháp. Công nhận hợp đồng tặng cho giữa cụ Ng và bà T1, công nhận cho bà T1 p

hần đất đang cất nhà ở có diện tích 139,6m^2 thuộc tách 361-1 và 361-2, loại đất trồng cây lâu năm, vì bà T1 thuộc diện hộ nghèo tại địa phương. Xét việc thay đổi nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị S (vợ ông Phùng Văn N chết năm 2013, chết trước cụ Ng) yêu cầu được hưởng giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.500m^2 trong diện tích 2.580m^2, thửa 443, tờ bản đồ số 3 và diện tích 200m^2 trong diện tích 1.584,3m^2, thửa 271, tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Xét thấy ông Phùng Văn N chết trước cụ Châu Thị Ng, nếu trường hợp di chúc của cụ Ng không hợp pháp mà chia thừa kế theo pháp luật thì các con của ông N là thừa kế thế vị mới được hưởng di sản của cụ Ngọc. Bà Nguyễn Thị S vợ ông N không được hưởng di sản của cụ Ng để lại.

[10] Như đã phân tích trên, tài sản là của cá nhân cụ Châu Thị Ng và cụ đã lập

di chúc để lại hết tài sản của cụ cho ông Phùng Văn B2, di chúc được xác định hợp pháp nên ông B2 được quyền hưởng tài sản theo di chúc. Tòa án cấp sơ thẩm không công nhận di chúc hợp pháp, chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Ng cho ông Phùng Văn S1 diện tích 482m^2 thửa 361, chia cho bà Nguyễn Thị S giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 234.600.000đ và tạm giao kỷ phần của anh Bùi Văn M diện tích 1500m^2 cho các bị đơn quản lý là không đúng quy định của pháp luật về thừa kế nên phải sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của ông Phùng Văn S1, bà Nguyễn Thị S và Bùi Văn M. Công nhận hợp đồng tặng cho đất giữa cụ Ng và bà T1 đối với diện tích 139,6m^2 thuộc tách 361-1 và 361-2, loại đất trồng cây lâu năm.

Do đó, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị đơn Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T, sửa án sơ thẩm.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phùng Văn S1, bà Nguyễn Thị S không có căn cứ chấp nhận.

Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Tấn Th2 có căn cứ chấp nhận một phần.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phùng Văn S1 được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Bà Phùng Thị Bích T1 phải chịu án phí trên giá trị tài sản được hưởng 139,6m^2 x 637.9000đ/m^2 = 89.050.840đ x 5% = 4.452.542đ (làm tròn 4.452.000đ)

Buộc các bị đơn phải chịu án phí trên giá trị tài sản được hưởng 452,4m^2 x 637.9000đ/m^2 = 288.585.960đ x 5% = 14.429.298đ. Bà Tạ Thị B là người cao tuổi được miễn án phí (14.429.298đ : 3 = 4.809.766đ). Buộc Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T mỗi người chịu 4.809.766đ (làm tròn 4.809.000đ).

[12]Về án phí phúc thẩm: do sửa án nên các đương sự có kháng cáo là Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T không phải chịu án phí phúc thẩm. Tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hoàn trả cho các đương sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của các bị đơn Tạ Thị B, Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 84/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 649,650,651,652,655, 656,659, 660, 661 của Bộ luật dân sự năm 1995; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn S1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Châu Thị Ng, đối với các thửa đất sau:

-Thửa số 248, tờ bản đồ số 8, diện tích 2585,0m^2 do anh Nguyễn Tấn Th2 (chồng Phùng Thị Thanh L) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

-Thửa số 282, tờ bản đồ số 8, diện tích 2370,6m^2 do Phùng Văn B2 và Tạ Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

-Thửa 359, tờ bản đồ số 8, diện tích 539,7m^2, loại đất trồng cây lâu năm do Tạ Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

-Thửa 361, tờ bản đồ số 8, diện tích 592,0m^2, loại đất trồng cây lâu năm do ông Phùng Văn B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.Chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của bà Phùng Thị Bích T1;

2.1.Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Châu Thị Ng và bà Phùng Thị Bích T1.

2.2.Công nhận cho bà Phùng Thị Bích T1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 139,6m^2 (tách 361- 1 diện tích 32,6m^2 và tách 361- 2 diện tích 107,0m^2), loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và căn nhà có trên đất.

2.3.Công nhận cho bà Tạ Thị B, bà Phùng Thị Thanh L và ông Phùng Thế T được quyền sử dụng tách thửa đất số 361- 3, diện tích 452,4m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp B, xã B, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 03/6/2019 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện Vũng Liêm và trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 17/01/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị S và anh Bùi Văn M về việc chia di sản thừa kế của cụ Châu Thị Ng.

4. Về chi phí tố tụng:

Tại cấp sơ thẩm ông Nguyễn Văn S1 tự nguyện chịu 2.500.000đ đã nộp xong.

Tại cấp phúc thẩm 3.510.000đ bà Phùng Thị Thanh L tự nguyện chịu và đã nộp xong.

5.Về án phí:

5.1.Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phùng Văn S1 được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Buộc bà Phùng Thị Bích T1 nộp 4.452.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0009250 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Bà T1 phải tiếp tục nộp 4.152.000đ (bốn triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Buộc Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T mỗi người nộp 4.809.000đ (bốn triệu tám trăm lẻ chín nghìn đồng).

5.2.Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả Phùng Thị Thanh L và Phùng Thế T mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai số 0009276 và 0009274, cùng ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình